

Cà Mau, ngày tháng ... năm 2026

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Giấy chứng nhận thí nghiệm chuyên ngành thí nghiệm số 277/GCN-BXD, ngày 23 tháng 9 năm 2022

Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Vật liệu Xây dựng số 1 công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Vật liệu Xây dựng số 1

Quyết định thành lập số: HDTN-01/04/2026

Trụ sở chính địa chỉ: Ấp Xóm Lung, phường Hòa Thành, tỉnh Cà Mau

Trạm hiện trường địa chỉ: 56 Ngô Gia Tự, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0946 922 236 Email: typvccm@gmail.com

Website: <https://kiemdinhvlxdsol.com>

Mã số thuế: 2000983829.

2. Thông tin Phòng thí nghiệm: LAS-XD 992

(Đã được cấp giấy chứng nhận số 277 Mã số: LAS-XD 992)

Trụ sở chính địa chỉ: Ấp Xóm Lung, phường Hòa Thành, tỉnh Cà Mau

Trạm hiện trường địa chỉ: 56 Ngô Gia Tự, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0946 922 236 Email: typvccm@gmail.com

Website: <https://kiemdinhvlxdsol.com>

DANH MỤC ĐĂNG KÍ PHÉP THỬ

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích xi măng, độ mịn xi măng	TCVN 4030:2003	Cân kỹ thuật 6200g (0,1g); Cân kỹ thuật 6200g (0,01g); Bình tỷ trọng 1000ml; Tủ sấy; Sàng có lưới N°2 (0,09 mm); bình Le Chatelier; Bể ổn nhiệt; Bình xác định khối lượng riêng	
2	Phương pháp thử - xác định cường độ	TCVN 6016:2011	Tủ dưỡng hộ; Bể ngâm mẫu; Xi măng, cát tiêu chuẩn ISO; Sàng thử nghiệm; Máy trộn; Khuôn; Dụng cụ thử cường độ uốn; Máy thử cường độ nén; Cân; Đồng hồ	
3	Thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Cân kỹ thuật 6200g (0,1g); Cân kỹ thuật 620g (0,01g); Tủ sấy; Dụng cụ Vicat; Kim thử, Máy trộn vữa, Dụng cụ Le Chatelier, thước kẹp 300mm	
4	Độ dẻo tiêu chuẩn	TCVN 6017:2015	Cân kỹ thuật 6200g (0,1g); Cân kỹ thuật 620g (0,01g); Tủ sấy; Dụng cụ Vicat; Kim thử, Máy trộn vữa, Dụng cụ Le Chatelier, thước kẹp 300mm	
II	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG			
1	Thiết kế cấp phối bê tông	TCVN 9382-2012; TCXD 127:1985; Số 778/98/QĐ-BXD ngày 05/09/1998; TCVN10306:14; 22TCN276:’2001	Cân kỹ thuật 1g; thước thép; Khuôn đúc mẫu; Tủ bảo dưỡng; Bàn run; Đầm dùi; Đồng hồ Thước kẹp kỹ thuật; Bộ thước căn lá; Côn thử độ sụt; Thùng ngâm mẫu	
2	Phương pháp hỗn hợp bê tông - chế tạo, lấy mẫu, bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:2022	Cân kỹ thuật 6200g (0,1g); Cân kỹ thuật 620g (0,01g); thước thép; Khuôn đúc mẫu; Tủ bảo dưỡng; Bàn run; Đầm dùi; Đồng hồ Thước kẹp kỹ thuật; Bộ thước căn lá	
3	Phương pháp xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông dẻo	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt; Tấm nền; Thanh đầm; Đồng hồ; Thước đo	
4	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:2022	Máy mài đĩa; Cân kỹ thuật; Thước kẹp;	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật; Thước đo; Tủ sấy; Bình hút ẩm; Túi cách hơi hoặc thùng kín	
6	Phương pháp xác định độ chống thấm nước của bê tông theo phương pháp vết thấm	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm; Khuôn đúc mẫu; Bàn chải sắt	
7	Phương pháp xác định cường độ chịu nén của bê tông	TCVN 3118:2022	Máy nén 2000KN; Đệm truyền tải; Thước đo; Thước góc; Đồng hồ 1s	
8	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy nén; Cơ cấu truyền lực; Thước đo	
9	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022	Máy nén; Gói truyền tải; Tấm đệm	
III	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA			
1	Phương pháp thử Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006	Cân kỹ thuật 1g ; Bộ sàng tiêu chuẩn; Máy lắc sàng; Tủ sấy	
2	Phương pháp thử Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	Cân kỹ thuật 0,1g; Tủ sấy; Thùng ngâm mẫu; que chọc kim loại ; Bình hút ẩm; Sàng; Côn thử độ sụt của cốt liệu; Bình dung tích	
3	Phương pháp thử Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật 1g; Cân thủy tĩnh; Thùng ngâm mẫu; Thước kẹp; Bàn chải sắt; Tủ sấy	
4	Phương pháp xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	thùng đong; cân kỹ thuật 1g; phễu chứa vật liệu; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy; thước lá kim loại; thanh gỗ	
5	Phương pháp thử xác định độ ẩm cốt liệu	TCVN 7572-7:2006	cân kỹ thuật 1g; tủ sấy; dụng cụ đảo mẫu	
6	Phương pháp thử xác định bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	cân kỹ thuật 1g và 0.1g; tủ sấy; thùng rửa cốt liệu; đồng hồ bấm giây; tấm kính; kim sắt	
7	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	ống dung tích; cân kỹ thuật; bếp cách thủy; sàng; thang màu; thuốc thử	
8	Phương pháp thử xác định cường độ và hệ số mềm hoá đá gốc	TCVN 7572-10:2006	máy nén thủy lực; máy khoan; thước kẹp; thùng	
9	Phương pháp thử độ nén đập trong xi lanh	TCVN 7572-11:2006	Máy nén; xi lanh; cân kỹ thuật 1g; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy;	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
			thùng ngâm mẫu	
10	Phương pháp xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006	máy Los Angeles; bi thép; cân kỹ thuật; tủ sấy; bộ sàng	
11	Phương pháp xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	cân kỹ thuật; thước kẹp cải tiến; bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy	
12	Phương pháp xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006	cân kỹ thuật; cân phân tích; sàng; bình hút ẩm; tủ sấy; cốc nung; máy khuấy; bếp điện; lò nung; máy lắc; bình định mức; thuốc thử	
13	Phương pháp xác định hàm lượng hạt yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006	cân kỹ thuật; tủ sấy; bộ sàng tiêu chuẩn; kim sắt; búa con	
14	Phương pháp xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	cân phân tích; tủ sấy; bộ sàng tiêu chuẩn; đĩa thủy tinh	
IV	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG			
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Nước cất; Cân kỹ thuật; Bình tỷ trọng; Cối sứ và chày sứ; Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ; Bếp cát; Bơm chân không có cả bình hút chân không; Tỷ trọng kế; Phễu nhỏ; Thiết bị ổn nhiệt; Cốc nhỏ	
2	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012	Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ; Cân kỹ thuật; Bình hút ẩm; Cốc nhỏ bằng thủy tinh; Cối sứ và chày sứ có đầu bọc cao su; Rây	
3	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	Rây; Cối sứ và chày có đầu bọc cao su; Bình thủy tinh có nắp; Cân kỹ thuật; Cốc nhỏ bằng thủy tinh; Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ; Bát sắt tráng men; Dao để nhào trộn	
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	Bộ sàng; Cân; Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ; Máy sàng lắc; Nhiệt kế; Bình hút ẩm; Thiết bị nghiền đất; bát men;	
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2014	Máy cắt một mặt phẳng; Dao vòng cắt; Tấm nén truyền lực thẳng đứng; Đồng hồ đo biến	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
			dạng; Vòng đo lực ngang trong máy cắt	
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	Hộp nén; Bàn máy; Bộ phận tăng tải với hệ thống cánh tay đòn; Thiết bị đo biến dạng	
7	Xác định độ đầm chặt tiêu chuẩn	TCVN 12790:2020	Cối đầm; Chày đầm; Dụng cụ tháo mẫu; Cân; Tủ sấy; Sàng; Thanh thép gạt cạnh thẳng	
8	Xác định khối lượng thể tích (Dung trọng)	TCVN 4202:2012	Dao vòng làm bằng kim; Thước cặp; Dao cắt có lưỡi thẳng; Cân kỹ thuật; Tủ sấy	
V	THÍ NGHIỆM CẤP PHỐI ĐÁ DẼM			
1	Độ hao mòn Los-Angeles của cốt liệu (LA)	AASHTO T 96	Máy thí nghiệm Los angeles; Sàng tiêu chuẩn; Cân kỹ thuật; Tủ sấy	
2	Xác định tỷ số CBR	TCVN 12792-2020	máy nén; Đồng hồ đo biến dạng; Cối; Chày đầm; Dụng cụ đo độ trương nở; Tấm gia tải; Bể ngâm mẫu; Tủ sấy; Cân kỹ thuật; Dụng cụ tháo mẫu; Sàng	
3	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197 : 2012	Cối sứ và chày; Bình thủy tinh; Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Bát sắt tráng men; Dao; Sàng	
4	Phương pháp xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật; Thước kẹp cải tiến; Bộ sàng tiêu chuẩn; Tủ sấy	
5	Xác định độ đầm chặt tiêu chuẩn	TCVN 12790:2020	Cối đầm; Chày đầm; Dụng cụ tháo mẫu; Cân; Tủ sấy; Sàng; Thanh thép gạt cạnh thẳng	
6	Thành phần hạt CPĐĐ	TCVN 8859-2023 AASHTO T27	Cân kỹ thuật 1g ; Bộ sàng tiêu chuẩn; Máy lắc sàng; Tủ sấy	
VI	THÍ NGHIỆM ĐÁ DẼM NƯỚC			
1	Cường độ nén của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy khoan mẫu, Máy nén, Cân kỹ thuật; thước thép	
2	Độ hao mòn khi va đập trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006	Máy thí nghiệm Los angeles; Sàng tiêu chuẩn; Cân kỹ thuật; Tủ sấy	
3	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật; Thước kẹp cải tiến; Bộ sàng tiêu chuẩn; Tủ sấy	
4	Hàm lượng hạt mềm yếu	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; bộ Sàng tiêu chuẩn; Kim sắt; Búa con	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
5	Hàm lượng chung bụi, bùn sét	TCVN 7572-8:2006	cân kỹ thuật 1g và 0.1g; tủ sấy; thùng rửa cốt liệu; đồng hồ bấm giây; tấm kính; kim sắt	
6	Thành phần hạt đá dăm nước	TCVN 9504:2012 AASHTO T27	Cân kỹ thuật 1g ; Bộ sàng tiêu chuẩn; Máy lắc sàng; Tủ sấy	
VII	THÍ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG			
1	Vật liệu kim loại - thử kéo ở nhiệt độ phòng	TCVN 197-1-2014	Máy kéo thép 1000KN; Cân kỹ thuật; thước thép	
2	Vật liệu kim loại – thử uốn	TCVN 198-2008	bộ kẹp; chày uốn	
3	Thử kéo mối nối hàn	TCVN 5403-2010	Máy kéo thép 1000KN; Cân kỹ thuật; thước thép	
4	Thử nghiệm cấp dự ứng lực	TCVN 6284:1997	Máy kéo thép 1000KN; Cân kỹ thuật; thước thép	
5	Thí nghiệm bu lông, ốc đai, ốc vít	TCVN 1916:1995	Máy kéo thép 1000KN; Cân kỹ thuật; thước thép; ngàm liên kết	
6	Thí nghiệm thép thanh, băng, hình, định hình và thép tấm	TCVN 5709:2009	Máy kéo thép 1000KN; Cân kỹ thuật; thước thép; ngàm liên kết	
VIII	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA			
1	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – thiết kế theo PP Marshall	TCVN 8820:2011	Máy nén Marshall; Bộ phận gia tải; Thiết bị đo lực; Đồng hồ đo biến dạng; Bộ khuôn đúc mẫu; Búa đầm bằng kim loại; Bộ đầm hình trụ bằng gỗ; Bộ gá giữ khuôn đúc; Bộ phận nén mẫu; Tủ sấy; Thiết bị gia nhiệt; Bể ổn nhiệt; Nhiệt kế ; Cân; Thước kẹp	
2	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall; Bộ phận gia tải; Thiết bị đo lực; Đồng hồ đo biến dạng; Bộ khuôn đúc mẫu; Búa đầm bằng kim loại; Bộ đầm hình trụ bằng gỗ; Bộ gá giữ khuôn đúc; Bộ phận nén mẫu; Tủ sấy; Thiết bị gia nhiệt; Bể ổn nhiệt; Nhiệt kế ; Cân; Thước kẹp	
3	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy quay ly tâm; Giấy lọc; Tủ sấy; Bếp điện; Lò nung; Cân; Bình hút ẩm; Ống đong	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
4	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng; Tủ sấy; Cân kỹ thuật; Máy lắc sàng	
5	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đựng mẫu; Cân; Máy hút chân không; Bình lọc hơi nước; Áp kế ; Chân không kế; Nhiệt kế; Tủ sấy	
6	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân; Bể nước; Dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước; Tủ sấy; Nhiệt kế	
7	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy; Rọ đựng mẫu; Cân	
8	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Ống đong; Phễu; Cân	
9	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Máy Khoan; máy nén; Cân	
10	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Máy Khoan; máy nén; cân	
11	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011		
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011		
IX	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM			
1	Phương pháp định độ kim lún	TCVN 7495 : 2005	Thiết bị xuyên kim; Kim xuyên; cốc đựng mẫu; Bể ổn nhiệt; Đồng hồ; Nhiệt kế	
2	Phương pháp xác định độ kéo dài	TCVN 7496 : 2005	Giá kẹp; Bể ổn nhiệt; Máy kéo mẫu bitum; Nhiệt kế	
3	Phương pháp xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497 : 2005	Vòng; Tấm lót; Bi; Vòng dẫn hướng; Bình thủy tinh; Khung treo; Nhiệt kế	
4	Phương pháp xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:05	cốc hồ Cleveland; Nhiệt kế; Dung môi kỹ thuật;	
5	Phương pháp xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504 : 2005	Bình thủy tinh; Nhiệt kế	
X	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN			
1	Hình dạng bên ngoài	22TCN58:1984	Kính lúp	
2	Thành phần hạt	22TCN58:1984	Sàng; Cân kỹ thuật; Bát sứ	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
3	Lượng mất khi nung	22TCN58:1984	Cân kỹ thuật; Bát sứ; Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm	
4	Hàm lượng nước	22TCN58:1984	Cân kỹ thuật; Tủ sấy	
5	Khối lượng riêng của bột khoáng	22TCN58:1984	Cân kỹ thuật; Bát sứ; Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm; Sàng; Nhiệt kế	
6	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN58:1984	Cân kỹ thuật; Bát sứ; Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm; Sàng; Nhiệt kế	
7	Hệ số hao nước	22TCN58:1984	Cân kỹ thuật; Bát sứ; Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm; Sàng; Nhiệt kế	
8	Hàm lượng chất hoà tan trong nước	22TCN58:1984	Cân kỹ thuật; Bát sứ; Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm; Sàng; Nhiệt kế	
9	Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN58:1984	Cân kỹ thuật; Bát sứ; Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm; Sàng; Nhiệt kế	
10	Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN58:1984	Cân kỹ thuật; Cân thủy tinh; Nhiệt kế; Thùng ngâm	
11	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN58:1984	Dụng cụ Vi ca; Bát sắt; Bát sứ; Dao thép	
XI	THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZZO			
1	Xác định kích thước cơ bản; Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013	Tủ sấy; Cân; Thùng chứa nước; Bàn chải; Sáp; Thước; Thước nivô; Thước lá	
2	Thí nghiệm độ bền uốn	TCVN 6355:2009	Máy thử uốn; gôi lăn; Thước đo	
XII	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			
1	Xác định kích thước cơ bản; Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước; Cường độ nén	TCVN 6476:1999	Tủ sấy; Cân; Thùng chứa nước; Bàn chải; Sáp; Thước; Thước nivô; Thước lá; Máy nén; má ép	
XIII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG			
1	Xác định kích thước cơ bản; Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước; Cường độ nén; độ rỗng	TCVN 6477:2016	Tủ sấy; Cân; Thùng chứa nước; Bàn chải; Sáp; Thước; Thước nivô; Thước lá; Máy nén	
XIV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
1	Xác định kích và Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước; Cường độ nén; Cường độ uốn; Độ rỗng; Khối lượng thể tích	TCVN 6335:2009	Tủ sấy; Cân; Thùng chứa nước; Bàn chải; Sáp; Thước; Thước nivô; Thước lá; Máy nén; má ép; Máy thử uốn; gôilăn; Thước đo	
XV	THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT			
1	Xác định cường độ kéo đứt	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4595	Máy kéo; Ngàm kẹp; Thước lá; Thiết bị làm ẩm	
2	Xác định cường độ kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632:91	Máy kéo; Ngàm kẹp; Thước lá; Thiết bị làm ẩm	
3	Xác định xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011	Máy kéo; Ngàm kẹp; Thước lá; Thiết bị làm ẩm	
4	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; BS 6906-4	Máy nén; Ngàm kẹp; Thước lá; Thiết bị làm ẩm; Mũi xuyên	
5	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011	Máy nén; Ngàm kẹp; Thước lá; Thiết bị làm ẩm; Mũi xuyên	
6	Xác định áp lực kháng bục	TCVN 8871-5:2011	Máy nén; Ngàm kẹp; Thước lá; Thiết bị làm ẩm; Mũi xuyên	
7	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-6:2011; ASTM 4751:91	Máy lắc rây; khay; Hạt thủy tinh	
8	Xác định hệ số thấm	TCVN 8487:2010; ASTM D4491	Thiết bị đo độ thấm xuyên; Đồng hồ; Nhiệt kế;	
9	Xác định độ dày danh định	TCVN 8220:2009	Khuôn lấy mẫu; Thiết bị có thẻ đo độ dày	
10	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009	Thước thép; Cân kỹ thuật 0.01g	
XVI	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
1	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao dai; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 02-71; TCVN 12791-2020; TCVN 8729-2012; TCVN 346:06	Dao dai; Thanh gạt; Cân kỹ thuật; Thiết bị sấy khô; Bộ phễu rót cát; Cát chuẩn; Sàng	
2	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước thẳng; Con nôm	
3	Xác định môđul đàn hồi bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Kích thủy lực; Tấm ép cứng; Đồng hồ đo biến dạng; Giá đỡ đồng hồ đo biến dạng; Cát khô, sạch; Thước ni vô	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
4	Xác định môđul đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011	Cần đo võng Benkelman; Kích thủy lực; Tấm ép cứng; Đồng hồ đo biến dạng	
5	Phương pháp không phá hoại sử dụng máy so siêu âm, súng bực nảy xác định cường độ bê tông	TCVN 9335:2012	Máy đo siêu âm và súng bực nảy	
6	Cọc – PP thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Kích, bơm và hệ thống thủy lực; Tấm đệm đầu cọc; Hệ đo đặc quan trắc; Đồng hồ áp lực; chuyển vị kế có độ chính xác đến 0,01 mm	
7	Kiểm tra điện trở bộ phận nối đất; Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	EARTH TEST MODEL 4105A; KYORITSU – Nhật Bản	
8	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Ống đong cát; Bàn xoa; bàn chải sắt; thước dài 500 mm; Cân thí nghiệm có độ chính xác 0,1g	
9	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351:2012	Thiết bị máy khoan địa chất XY-1; Đầu xuyên; Bộ búa đóng; Đầu xuyên	

DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ Nhiệm vụ được giao	Ghi chú
01	Lương Văn Tý	1976	<ul style="list-style-type: none"> - Đại học: Xây dựng dân dụng công nghiệp - Số: 0701-2012 – Bồi dưỡng kiến thức kỹ năng quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Số: 7676/2010/VKH-THXD – Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Số: 64/AET – Thí nghiệm nhựa và bê tông nhựa - Số: 4946/2009/VHK – TNXD – Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy - Số: QĐ 02/03/2018/TNVL – Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc - Số: 4867/ĐT167.07 – Thử nghiệm chất lượng nền và mặt đường tại hiện trường 	Trưởng phòng thí nghiệm	
02	Ngô Văn Lắm	1980	<ul style="list-style-type: none"> - Đại học: Kỹ sư xây dựng - Số: 1705-21/VNĐ-CC – phương pháp xác định tính chất cơ – lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn 	Thí nghiệm viên	
03	Ngô Hồng Mừng	1979	<ul style="list-style-type: none"> - Số: 1705-20/VNĐ-CC – Phương pháp xác định tính chất cơ – lý của bê tông và vật liệu bê tông trong phòng và hiện trường 	Thí nghiệm viên	
04	Ngô Quốc Khánh		<ul style="list-style-type: none"> - Đại học: Kỹ sư xây dựng công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng - Số: 1705-19/VNĐ-CC – phương pháp xác định tính chất cơ – lý của đất, đá, cát trong phòng thí nghiệm và hiện trường - Số: QĐ 01/03/2019/TNVL – Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc 	Thí nghiệm viên	
05	Lương Vĩnh Thái		<ul style="list-style-type: none"> - Trung cấp chuyên nghiệp: Xây dựng cầu đường - Số: 35.4/2018/TNVL – Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của gạch và vật liệu xây dựng 	Thí nghiệm viên	

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ Nhiệm vụ được giao	Ghi chú
06	Đỗ Tuấn Vũ		- Đại học: Kỹ sư xây dựng công trình giao thông (xây dựng cầu đường)	Thí nghiệm viên	
07	Lê Minh Khem		-Số: QĐ-02/2015/TNV – Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của đất trong phòng và hiện trường	Thí nghiệm viên	
08	Thái Quang Vinh		-Đại học: Kỹ sư địa chất dầu khí – địa kỹ thuật -Số: 7878/2010/VKH-TNXD – Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của đất trong phòng và hiện trường	Thí nghiệm viên	
09	Nguyễn Trọng Nhân		-Đại học: Kỹ sư địa chất dầu khí - địa kỹ thuật -Số: HNT – 00120413 – Khảo sát địa chất, khảo sát địa hình	Thí nghiệm viên	
10	Huỳnh Văn Dũng		-Đại học: Kỹ sư địa chất dầu khí - địa kỹ thuật -Số: HCM – 00134319 Khảo sát địa chất công trình	Thí nghiệm viên	
11	Lê Vũ King		-Đại học: Kỹ sư địa chất dầu khí - địa kỹ thuật -Số: HCM – 00134317 Khảo sát địa chất công trình	Thí nghiệm viên	
12	Đặng Vũ Trường		-Đại học: Kỹ thuật xây dựng Công trình Giao Thông - Số: 11-K27/TNCNXD – Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng	Thí nghiệm viên	
13	Lê Duy Đông		Số: HCM-00134283 Khảo sát địa hình	Thí nghiệm viên	
14	Lương Hoàng Tường		- Cao đẳng điện công nghiệp - Số: 8194-A3828B/VNĐ-TNV – Phương pháp xác định tính chất cơ lý bê tông và vật liệu bê tông trong phòng thí nghiệm và ngoài hiện trường	Thí nghiệm viên	

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ Nhiệm vụ được giao	Ghi chú
			- Số: 8508-A4142B/VNĐ-TNV – Thử nghiệm tính chất cơ lý của gạch và vật liệu xây dựng trong phòng và ngoài hiện trường - Số: 8423-A4057B/ VNĐ-TNV – Thử nghiệm tính chất cơ lý của thép xây dựng - Số: 8250-A3884B/ VNĐ-TNV – Thí nghiệm viên hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc - Số: 8347-A3981B/ VNĐ-TNV – Thí nghiệm viên cơ lý của đất, đá trong phòng và ngoài hiện trường		
15	Trần Văn Đức		-Đại học: Kỹ sư địa chất - dầu khí -Số: CAT-00080705	Thí nghiệm viên	

Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Vật liệu Xây dựng số 1 cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong bản công bố; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong danh mục đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(Ký tên, đóng dấu)